

Bản án số: 38/2022/HS-ST

Ngày: 16 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đăng Lý

Ông Nguyễn Văn Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2022/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

.... **TRẦN THỊ T**, sinh ngày 10/8/1951 tại thị trấn BS, huyện KB, tỉnh HN; nơi thường trú: Thôn BK, xã PK, huyện TT, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình T (đã chết) và con bà Trần Thị T (đã chết); Có chồng là Cấn Văn C; có 04 con lớn nhất sinh năm 1971, con nhỏ nhất sinh năm 1984.

Tiền sự: không

Tiền án: Tại bản án số 23/2013/HSST ngày 10/6/2013, TAND huyện TT xử phạt Trần Thị T 12 tháng tù về tội “Chứa mại dâm” và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Tạm giữ: Tạm giữ ngày 23/12/2021, Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 26/12/2021.

Tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Ngô Huy P, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn TK, xã CH, huyện QO, thành phố Hà Nội;

- Chị Vũ Thị B, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Trú tại: Cụm 10, xã PT, huyện PT, thành phố Hà Nội;

- Anh Đỗ Danh T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn YT, xã ĐY, huyện QO, thành phố Hà Nội;

- Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Trú Tại: Thôn LK 1, xã KQ, huyện TT, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Thị T cùng chồng là ông Cấn Văn C kinh doanh nhà nghỉ lấy tên là PT tại thôn BK - PK - TT - Hà Nội, ông C là người đứng tên trong giấy phép kinh doanh nhưng bị cáo T là người quản lý và trực tiếp kinh doanh. Khoảng tháng 10/2021, Đỗ Thị Thu H, Đào Thị D, Vũ Thị B đến nhà nghỉ “PT” gặp bị cáo T tự giới thiệu mình là gái bán dâm và đặt vấn đề với bị cáo T về việc nếu có khách đến nhà nghỉ PT muốn mua dâm thì bị cáo T gọi cho H, D, B đến bán dâm cho khách. Bị cáo T thoả thuận với H, D và B là mỗi lần mua bán dâm thì bị cáo T thu của khách số tiền 370.000 đồng (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng), bị cáo T trả cho gái bán dâm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) còn giữ lại 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng) tiền phòng. Hoặc D, B, H tự thoả thuận và thu tiền của khách mua dâm, còn bị cáo T chỉ thu số tiền 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng) tiền phòng của khách mua dâm.

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 23/12/2021, Đỗ Văn T, Đỗ Danh T, cùng với Ngô Huy P đi đến nhà nghỉ “PT” để mua dâm. Khi đến nơi cả 03 gặp bị cáo Trần Thị T thì T nói với bị cáo T: “Ở đây có nhân viên không”, ý là hỏi bị cáo T ở đây có gái bán dâm không thì bị cáo T trả lời: “Cả ba anh em đi tất à” thì P và T đều trả lời là: “Vâng”. Sau đó Đỗ Văn T hỏi bị cáo T: “Giá bao nhiêu tiền một vé” thì bị cáo T trả lời: “Ba trăm nghìn một vé, còn tiền thuê phòng là bảy mươi nghìn”, tức là một lượt mua dâm giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), còn tiền thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ PT để mua dâm là 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng). Tổng số tiền khách mua dâm phải thanh toán là 370.000 đồng (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng) cho một lần mua dâm. Bị cáo T dùng số điện thoại 0978277963 gọi điện vào số điện thoại

0374667153 của H nói: “Con đang ở đâu đây” thì H trả lời: “Con đang đi cùng chị B có việc”. Bị cáo T tiếp tục nói: “Con quay lại đi có mấy anh bạn đang ở đây”. H hiểu được là bị cáo T gọi H về nhà nghỉ “PT” để bán dâm cho khách nên H trả lời là: “Vâng”. Sau đó B chở chị H về nhà nghỉ “PT”. Cùng lúc này bị cáo T dùng số điện thoại 0978277963 gọi điện vào số điện thoại 0962885280 của D thì D không nghe máy, ngay sau đó D gọi lại cho bị cáo T thì bị cáo T nói với D là: “Con xuống luôn đi”, D hiểu là bị cáo T gọi D xuống bán dâm cho khách nên D trả lời là: “Vâng”. Khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, H và B đi đến nhà nghỉ “PT” thì bị cáo T nói với Đỗ Văn T, P, Đỗ Danh T là: “Đây có hai đứa các anh đi đứa nào thì đi”, ý bị cáo T là bảo Đỗ Văn T, P, Đỗ Danh T chọn gái bán dâm để mua dâm. Lúc này Đỗ Danh T chọn H và P chọn B, sau đó bị cáo T sắp xếp cho Đỗ Danh T vào phòng nghỉ số 2 để mua bán dâm với H và P vào phòng nghỉ số 5 để mua bán dâm với B. Sau đó Đỗ Danh T đưa cho bị cáo T số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) để thanh toán tiền 03 phòng nghỉ. Lúc này, Đỗ Văn T ngồi bên ngoài đợi khoảng 10 phút thì D đến gặp Đỗ Văn T và không nói gì, sau đó bị cáo T sắp xếp cho Đỗ Văn T vào phòng nghỉ số 4 để mua bán dâm với D. Trước khi mua bán dâm, P đưa cho B số tiền mua dâm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Đỗ Danh T đưa cho H số tiền mua dâm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Đỗ Văn T và D thỏa thuận với nhau là sau khi mua bán dâm xong thì Đỗ Văn T sẽ trả cho D số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/12/2021, Công an huyện TT vào kiểm tra hành chính nhà nghỉ “PT” phát hiện, bắt quả tang Đỗ Danh T và H không mặc quần áo, giao cấu quan hệ tình dục mua bán dâm tại phòng số 02. Đỗ Văn T và D không mặc quần áo, giao cấu quan hệ tình dục mua bán dâm tại phòng số 04. P và B không mặc quần áo, giao cấu quan hệ tình dục mua bán dâm tại phòng số 05. Công an huyện TT lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Trần Thị T và đưa tất cả về trụ sở làm rõ.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 26/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s, o khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự về tội “Chứa mại dâm”. Xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 03 bao cao su đã sử dụng, 02 vỏ

bao cao su màu xanh có dòng chữ ONDOM. 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su màu bạc có dòng chữ HERS. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen đã qua sử dụng số IMEI: 355816097540181, lắp số thuê bao 0978.277.963 theo biên bản giao nhận tài sản tang vật số 39/2022 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 1.400.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi tuyên án: Bị cáo biết việc làm của bị cáo vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về việc làm của mình. Bị cáo đề nghị với Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận bị cáo đã có hành vi chứa mại dâm.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nhân chứng, cùng các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Trần Thị T có hành vi Chứa mại dâm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 327 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Tính chất mức độ phạm tội và hậu quả xảy ra là nghiêm trọng nên cần có biện pháp xử lý nghiêm để răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Hội đồng xét xử, xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên theo quy định điểm o, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; chồng bị cáo là bệnh binh có công với nước theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, đồng thời xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm. Bị cáo hám lời nên đã phạm tội. Xét thấy bị cáo Trần Thị T có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Xử lý vật chứng: Những công cụ phạm tội của bị cáo cần tịch thu tiêu hủy gồm:

Tịch thu tiêu hủy 03 bao cao su đã sử dụng, 02 vỏ bao cao su màu xanh có dòng chữ ONDOM; 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su màu bạc có dòng chữ HERS theo biên bản giao nhận tài sản tang vật số 39/2022 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150, màu đen, đã qua sử dụng số IMEI: 355816097540181, lắp số thuê bao 0978.277.963 của bị cáo Trần Thị T.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.400.000 đồng tiền thu lời bất chính của bị cáo T, chị H, chị B theo ủy nhiệm chi của Kho bạc Nhà nước huyện TT ngày 23/5/2022.

[5] Các tình tiết khác:

- Đối với Đỗ Thị Thu H, Đào Thị D, Vũ Thị B là gái bán dâm, có hành vi bán dâm tại nhà nghỉ “PT” của bị cáo Trần Thị T ngày 23/12/2021. H, D, B đã vi phạm khoản 1 Điều 23 nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định, mức phạt từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

- Đối với Đỗ Danh T, Đỗ Văn T, Ngô Huy P có hành vi mua dâm gái bán dâm tại nhà nghỉ “PT” của bị cáo Trần Thị T ngày 23/12/2021. Hành vi của Đỗ Danh T, Đỗ Văn T, P đã vi phạm khoản 1 Điều 22 nghị định 167/NĐ-

CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định, mức phạt từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

- Đối với ông Cấn Văn C chồng của bị cáo Trần Thị T là người đứng tên trên giấy tờ kinh doanh của nhà nghỉ PT, nhưng do tuổi cao nên ông C để bị cáo T toàn quyền kinh doanh nhà nghỉ. Việc bị cáo T chứa mại dâm tại nhà nghỉ PT ông C không biết nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý ông C về hành vi chứa mại dâm.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng khoản 1 điều 327, điểm s, o khoản 1 điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã PK, huyện TT, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 03 bao cao su đã sử dụng, 02 vỏ bao cao su màu xanh có dòng chữ ONDOM; 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su màu bạc có dòng chữ HERS; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150, màu đen, đã qua sử dụng số IMEI: 355816097540181, lắp số thuê bao 0978.277.963 của bị cáo Trần Thị T theo biên bản giao nhận tài sản tang vật số 39/2022 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 1.400.000 đồng tiền thu lời bất chính của bị cáo T, chị H, chị B theo ủy nhiệm chi của Kho bạc Nhà nước huyện TT ngày 23/5/2022.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TANDTPHN; VKSNDTPHN;
- CA, VKSND, THA huyện TT;
- Bị cáo, người bị hại;
- Ủy ban nhân dân xã PK;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Yên

